

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 07 ngày

(Từ ngày 07 đến ngày 13 tháng 6 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ: Trung bình 31-32°C; cao: 35-37°C; thấp 27-29°C.

- Độ ẩm: 72-75%.

Nhận xét: Các ngày đầu và giữa kỳ không mưa trời nắng nóng, riêng ngày cuối kỳ đêm và sáng có mưa to đến rất to.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Cây lúa		
- Lúa xuân chính vụ	Thu hoạch xong	4.165,6
- Lúa xuân muộn	Chín thu hoạch	14.338,7
- Mạ mùa	Mới gieo-1,5-2,5 lá-xúc cây	40,2
Ngô xuân	Chín sữa-sáp-thu hoạch	8.888,4
Cây lạc	Củ già - thu hoạch	3.220,3
Cây cam	Phát triển quả	8.647,1
Cây bưởi	Phát triển quả	5.200,4
Cây nhãn	Phát triển quả	926,2
Cây chuối	Ra hoa-quả xanh-thu hoạch	2.173,42
Cây chè	Ra búp	8.467,5
Cây mía	Đẻ nhánh-vươn lóng	2.208
Cây keo	Rừng trồng (1-5 tuổi)	147.888,5
Cây bạch đàn	Rừng trồng (1-5 tuổi)	6.932,9

I. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 7 NGÀY QUA

1. Cây lúa:

1.1. Lúa xuân muộn (chín thu hoạch)

- Rầy nâu, rầy lưng trắng gây hại rải rác, nơi cao 700-900 con/m², trưởng thành.
- Trưởng thành cuốn lá nhỏ xuất hiện, mật độ nơi cao 4-5 con/m².
- Sâu đục thân gây hại rải rác, tỷ lệ ổ cục bộ 0,3-0,5% số bông bạc, tuổi T4-5-nhộng.
- Bọ xít dài gây hại, mật độ phổ biến 2-3 con/m², nơi cao 8-10 con/m², trưởng thành.
- Bệnh khô vằn gây hại phổ biến 2-4%, tỷ lệ hại nơi cao 10-15% số dảnh, cục bộ 18-20% số dảnh, cấp 1-3-5.

- Chuột gây hại rải rác, cục bộ nơi cao 3-5% số dảnh.

1.2. Mạ mùa (mới gieo -1,5 -2,5 lá-xúc cấy)

- Tập đoàn rầy, ruồi gây hại rải rác, mật độ nơi cao 8-10 con/m².
- Châu gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-4 con/m².
- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại mật độ nơi cao 1-2 con/m².
- Ốc bươu vàng gây hại rải rác.
- Bệnh nấm mốc, thối nhũn gây hại rải rác.

2. Ngô xuân

* Ngô xuân muộn (chín sũa-chín thu hoạch)

- Sâu đục bắp gây hại rải rác, mật độ nơi cao 1-2 con/m².
- Bệnh đốm lá hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-6% số lá, cấp 1-3.
- Bệnh khô vằn gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-4% số cây, cấp 3-5.

3. Cây lạc (chắc củ-thu hoạch)

- Rầy xanh lá mạ gây hại rải rác, nơi cao 8-10 con/m².
- Bệnh đốm lá, gỉ sắt gây hại rải rác, nơi cao 4-6% số lá, cấp 1-3-5.

4. Cây cam (phát triển quả)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá, quả; cục bộ 10-15% số lá, quả, cấp 1-2. Diện tích nhiễm 11,5 ha tại huyện Hàm Yên.

- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá.
- Bệnh ghẻ sọc gây hại lá, quả, tỷ lệ hại phổ biến 2-3%, nơi cao 5-10% số lá, quả cấp 1-3-5. Diện tích nhiễm 2,5 ha tại huyện Hàm Yên.
- Bệnh greening gây hại, nơi cao 3-6% số cây.
- Bệnh vàng lá thối rễ gây hại, nơi cao 4-6% số cây.
- Bệnh thán thư, khô cành, bệnh xì mũ gây hại rải rác.

5. Cây bưởi (phát triển quả)

- Bọ trĩ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-4% số quả non.
- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 8-10% số lá, quả.
- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá.

- Bệnh sẹo, bệnh loét gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 3-4% số lá.
- Bệnh vàng lá, thối rễ; greening, bệnh xì mũ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá, số cây.

6. Cây nhãn (*phát triển quả*)

- Bọ xít nâu gây hại rải rác, mật độ nơi cao 4-5 con/cành.
- Nhện lông nhung gây hại rải rác.
- Bệnh thán thư, bệnh sương mai gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá.
- Bệnh chổi rồng gây hại rải rác.

7. Cây chuối (*ra hoa-quả xanh-thu hoạch*)

- Sâu đục thân (bọ vòi voi) gây hại rải rác.
- Bệnh chùn ngọn gây hại rải rác.
- Bệnh đốm lá tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 2-5% số lá, cục bộ 6-8% số lá.
- Bệnh héo rũ panama tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số cây.

8. Cây chè (*ra búp*)

- Rầy xanh gây hại, tỷ lệ phổ biến 2-3% số búp, nơi cao 8-10% số búp, cục bộ 10-15% số búp. Diện tích nhiễm 36,5 ha tại huyện Hàm Yên, Yên Sơn.
- Bọ cánh tơ gây hại rải rác, nơi cao 3-4% số búp, cục bộ 10-12% số búp. Diện tích nhiễm 45 ha tại huyện Hàm Yên, Yên Sơn.

- Bọ xít muỗi, nhện đỏ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-6% số búp.
- Bệnh thối búp gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số lá, số búp.

9. Cây mía (*đẻ nhánh-vươn lóng*)

- Bọ hung gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/hố.
- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 3-4% số cây.
- Bệnh than đen gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 0,5-1% số cây.
- Rệp bông xơ gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá

10. Cây keo (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu nâu ăn lá gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá.
- Bệnh thán thư gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số lá
- Bệnh chết héo gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 6-8% số cây.

11. Cây bạch đàn (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu ăn lá tiếp tục gây hại rải rác.
- Bệnh đốm lá, khô ngọn tiếp tục gây hại tỷ lệ hại phổ biến 2-3% số cây, nơi cao 6-7% số cây.

12. Cây mỡ (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu đục thân mình hồng trên cây mỡ gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 6-7% số cây.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Cây lúa

1.1. Mùa mưa (*mới gieo-2,5 lá-xúc cấy*)

- Tập đoàn rầy, ruồi gây hại rải rác, mật độ nơi cao 1-3 con/m².
- Sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ gây hại mật độ nơi cao 2-3 con/m².
- Ốc brou vàng gây hại rải rác.
- Bệnh nấm mốc, thối nhũn gây hại rải rác.

1.2. Lúa mùa trà sớm (*mới cấy-bén rễ-hồi xanh*)

- Tập đoàn rầy gây hại rải rác, mật độ nơi cao 5-10 con/m².
- Ốc brou vàng gây hại tỷ lệ hại nơi cao 3-5 con/m²; cục bộ 6-8 con/m².
- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác, mật độ nơi cao 1-2 con/m².

2. Ngô xuân

*** Ngô xuân muộn (*chín sấp-thu hoạch*)**

- Sâu đục bắp hại rải rác, nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh đốm lá hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-4% số lá.
- Bệnh khô vằn gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-7% số cây.

3. Cây cam (*phát triển quả*)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 8-12% số lá, quả. Cục bộ 15-18% số lá, quả.
- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-4% số lá,
- Bọ trĩ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 0,5-1% số quả non.
- Bệnh ghẻ sọc, bệnh loét gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 5-7% số lá.
- Bệnh greening, vàng lá thối rễ gây hại, nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh thán thư khô cành, bệnh xì mũ gây hại rải rác.

4. Cây bưởi (*phát triển quả*)

- Nhóm nhện nhỏ (nhện đỏ, nhện trắng, nhện rám vàng) gây hại, tỷ lệ hại phổ biến 3-4%, nơi cao 8-10% số lá, số quả.
- Bọ trĩ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-4% số lá, quả non.
- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá non.
- Bệnh ghẻ sọc, bệnh loét gây hại, tỷ lệ hại nơi cao 3-5% số lá.
- Bệnh greening, vàng lá thối rễ gây hại, nơi cao 3-4% số cây.
- Bệnh xì mũ gây hại rải rác.

5. Cây nhãn (*phát triển quả*)

- Bọ xít nâu gây hại rải rác, nơi cao 3-4 con/cành.
- Nhện lông nhung gây hại rải rác.
- Bệnh thán thư, bệnh sương mai gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 4-5% số lá.
- Bệnh chổi rồng gây hại rải rác.

6. Cây chuối (*ra hoa-quả xanh-thu hoạch*)

- Sâu đục thân (bọ vòi voi) gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-4% số cây.
- Bệnh chùn ngọn gây hại rải rác, mật độ nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh đốm lá tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại phổ biến 3-4%, nơi cao 6-8% số lá.

- Bệnh héo rũ panama gây hại cục bộ, tỷ lệ hại phổ biến 2-3%, nơi cao 6-8% số cây.

7. Cây chè (*ra búp*)

- Rầy xanh gây hại, tỷ lệ phổ biến 2-4% số búp, nơi cao 8-10% số búp
- Bọ cánh tơ gây hại rải rác, nơi cao 3-6% số búp, cục bộ 8-9% số búp.
- Bọ xít muỗi, nhện đỏ gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 6-7% số búp.
- Bệnh thối búp gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số lá.

8. Cây mía (*đẻ nhánh-vươn lóng*)

- Bọ hung gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/hố.
- Sâu đục thân gây hại rải rác, nơi cao 2-4% số cây.
- Bệnh than đen gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số cây.

9. Cây keo (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Bệnh chết héo gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 5-7% số cây, cục bộ 9-10% số cây.

10. Cây bạch đàn (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

- Sâu ăn lá tiếp tục gây hại rải rác.
- Bệnh đốm lá, khô ngọn tiếp tục gây hại tỷ lệ hại phổ biến 3-5%, nơi cao 6-8% số cây.

11. Cây mỡ (*rừng trồng 1-5 tuổi*)

Sâu đục thân mình hồng trên cây mỡ tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 7-10% số cây.

IV. ĐỀ NGHỊ

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Phòng Kinh tế thành phố và Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố chỉ đạo cán bộ phụ trách địa bàn:

- Tiếp tục chỉ đạo cán bộ đơn đốc nhân dân đẩy nhanh tiến độ thu hoạch lúa xuân muộn, làm đất. Đối với những diện tích đã làm đất xong, khẩn trương gieo cấy lúa mùa và cây trồng khác trong khung thời vụ tốt nhất.

- Bám sát cơ sở, chủ động phối hợp với cán bộ chuyên môn của các xã, phường, thị trấn thường xuyên kiểm tra đồng ruộng và trên vườn, trên rừng, kịp thời phát hiện các đối tượng sâu, bệnh hại trên các loại cây trồng.

- Cần lưu ý một số đối tượng sinh vật hại cây trồng và chú trọng điều tra, hướng dẫn nhân dân biện pháp phòng, chống kịp thời. Cụ thể:

+ Tập đoàn rầy, sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng, bệnh nấm mốc, thối nhũn, ... gây hại trên mạ, lúa mới cấy.

+ Nhóm nhện nhỏ, bọ trĩ, bệnh sẹo, greening... trên cây cam, bưởi.

+ Bệnh đốm lá, héo rũ trên cây chuối.

+ Rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi trên cây chè.

+ Bệnh chết héo trên cây keo.

+ Bệnh đốm lá, khô ngọn trên cây bạch đàn.

+ Sâu đục thân trên cây mỡ.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV;
- TT BVTV phía Bắc;
- Cục Thống kê;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục trưởng;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Phòng NN và PTNT huyện;
- Phòng Kinh tế thành phố;
- Trung tâm Dịch vụ NN huyện, TP;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT, KT (DH).

Báo cáo

P/h thực hiện

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Tú

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
Trong tuần 24 năm 2023

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Cây có múi	Nhện nhỏ	qua phát triển	5	20	9	2.5	0	11.5	0	1.5	-16.0	11.5	Hàm Yên
	Bệnh sọc (ghẻ nhám)	qua phát triển	5	10	2.5	0	0	2.5	0	2.5	-3.0	2.5	Hàm Yên
Nhóm cây: Cây CN lâu năm													
Chè	Bọ cánh tơ (bộ trĩ)	búp non thu hai-Ra búp	5 - 6	10 - 15	44	1	0	45	0	41.0	20.5	35	Yên Sơn, Hàm Yên
	Rầy xanh	búp non thu hai-Ra búp	5 - 6	10 - 15	34.5	2	0	36.5	0	32.0	1.5	31.5	Yên Sơn, Hàm Yên

